

Số: 28 /2019/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 31 tháng 5 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 9, Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điều 9, Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

### **"Điều 9. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính, được thực hiện theo kỳ báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm. Nội dung báo cáo theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

#### 2. Cơ quan có trách nhiệm báo cáo

Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp).

Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; xây dựng dự thảo báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành và gửi Bộ Tư pháp theo quy định.

#### 3. Thời điểm lấy số liệu và thời gian gửi báo cáo

##### a) Thời điểm lấy số liệu báo cáo

- Đối với báo cáo 06 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm;


- Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### b) Thời gian gửi báo cáo

Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

4. Trường hợp hết thời hạn mà các đơn vị không gửi báo cáo, Sở Tư pháp tổng hợp kết quả báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm các cá nhân, tổ chức có liên quan.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2019. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

Bản ĐT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



  
Hoàng Xuân Ánh